Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
Tỉnh Đắk Lắk
21.11.2019 14:36:48 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2019/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 797/TTr-SNV ngày 12/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, TX, TP y sao gửi);
- Báo Đắk Lắk; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 25b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, ... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khối phố, khu phố... (gọi chung là tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Vị trí, vai trò và tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố, buôn.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có 01 Trưởng thôn; trường hợp thôn có trên 350 hộ gia đình; hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; hoặc thôn thuộc xã biên giới thì có thể có 01 Phó Trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có 01 Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có

trên 400 hộ gia đình thì có thể có 01 Tổ phó tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm), khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Đảm bảo quy mô 200 hộ gia đình trở lên đối với thôn; đảm bảo 250 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố; thôn ở xã biên giới có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Đảm bảo cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Trường hợp đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân; thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao; vùng sâu, vùng xa, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Trường hợp ở khu vực biên giới, do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới thì việc thành lập thôn, tổ dân phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện

ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Sáp nhập thôn, tổ dân phố

a) Đối với các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này thì phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề.

b) Đối với các thôn, tổ dân phố đạt từ 50% quy mô hộ gia đình trở lên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập.

c) Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

d) Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, tổ dân phố liên quan sáp nhập tán thành.

2. Giải thể thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố do thành lập mới hoặc do sáp nhập thực hiện theo Khoản 2, 3, 4 Điều 7a Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 (được bổ sung bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV).

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Căn cứ vào quy định tại Điều 3, Điều 7 của Quy chế này, UBND cấp xã kiến nghị UBND cấp huyện, UBND cấp huyện trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới.

Sở Nội vụ có trách nhiệm khảo sát, thẩm định; nếu đủ điều kiện Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định chủ trương về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới.

Sau khi có chủ trương của UBND tỉnh, Sở Nội vụ thông báo và phối hợp UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã lập Đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm: Sự cần thiết thành lập thôn, tổ dân phố mới; Tên gọi của thôn, tổ dân phố mới; Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố mới; Các điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy chế này; Kiến nghị và đề xuất.

2. Việc UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến cử tri, trình HĐND cấp xã thông qua Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình UBND tỉnh; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 9

Quy chế này.

2. Trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã thì thực hiện chuyển thôn thành tổ dân phố: Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Trường hợp cần thiết (do văn hóa, phong tục...), có thể giữ nguyên tên thôn (hoặc buôn) thuộc phường, thị trấn nhưng không làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện chính sách pháp luật tại các đơn vị tự quản này.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 8a Thông tư số 04/2012/TT-BNV (được bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV).

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố

1. UBND cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi có quyết định về chủ trương của UBND cấp huyện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm: Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố; Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép; Kiến nghị và đề xuất.

2. UBND cấp xã lập hồ sơ, lấy ý kiến cử tri, trình HĐND cấp xã thông qua, ban hành Nghị quyết; trình UBND huyện quyết định được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV.

Chương III
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được đa số nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Ngoài các tiêu chuẩn quy định nêu trên, chú trọng việc bố trí, giới thiệu Đảng viên ứng cử theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước. Mục tiêu đến cuối năm 2021, 100% Trưởng, Phó các thôn, tổ dân phố phải là

đảng viên, quy định tại Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 30/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 13. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở thôn, tổ dân phố và cấp ủy, đồng thời chịu sự quản lý, chỉ đạo hoạt động của Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định.

2. Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với các đại biểu Hội đồng nhân dân; Trưởng Ban công tác Mặt trận và các tổ chức thành viên, các tổ chức kinh tế, xã hội ở thôn, tổ dân phố nhằm tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND cấp xã.

3. Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố được làm việc với các cơ quan, đơn vị của Trung ương, địa phương đóng trên địa bàn; làm việc với các thôn, tổ dân phố trong xã, phường, thị trấn và các xã, phường, thị trấn lân cận để thực hiện tốt công tác tự quản ở thôn, tổ dân phố mình.

4. Mối quan hệ công tác của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố có nhiệm vụ và quyền hạn giải quyết công việc theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Nguyên tắc tổ chức bầu, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố; lựa chọn và công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Việc tổ chức bầu, công nhận; miễn nhiệm, bãi nhiệm; quyết định cử chức danh Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố và lựa chọn, công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố phải thực sự dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và quyền làm chủ của nhân dân và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

a) Quy trình bầu, miễm nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

b) Thời điểm tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tổ chức tại hội nghị thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 6 Quy chế này sau kỳ họp

thứ nhất của HĐND cấp xã.

c) Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

2. Công nhận; cho thôi chức danh Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có đề xuất xin chủ trương của Đảng ủy, UBND cấp xã; UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện.

Sau khi có văn bản đồng ý chủ trương của UBND cấp huyện, UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố. UBND cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của cấp trên thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố, thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị UBND cấp xã quyết định cho thôi giữ chức danh Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

3. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm (60 tháng). Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (theo nhiệm kỳ HĐND cấp xã).

Điều 17. Quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời

1. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (thời hạn tối đa không quá 06 tháng) trong các trường hợp sau:

a) Thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

b) Khuyết Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố (là trường hợp các thôn, tổ dân phố đã có Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố nhưng sau đó miễn nhiệm, bị bãi nhiệm, chuyển công tác khác mà tại thôn, tổ dân phố không có Phó Trưởng thôn, Tổ Phó tổ dân phố và chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố mới để thay thế).

c) Trong trường hợp tổ chức bầu lại Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố không đạt kết quả.

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố nhưng thời hạn tối đa không quá 06 tháng. Việc cử lâm thời chỉ áp dụng đối với Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

2. Trình tự, thủ tục cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong trường hợp thành lập, sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố mới và khuyết Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố.

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì hội nghị hiệp thương gồm: Bí thư chi bộ và Trưởng các tổ chức đoàn thể của thôn, tổ dân phố (Chi hội phụ nữ, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi đoàn thanh niên, Chi hội người cao tuổi) để giới thiệu nhân sự đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời;

Người được giới thiệu vào chức danh Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời phải bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và phải được đa số (trên 50%) các thành viên thuộc thành phần tham dự hội nghị hiệp thương nhất trí giới thiệu;

Hội nghị hiệp thương phải lập biên bản, ghi đầy đủ, chính xác các nội dung đã diễn ra tại hội nghị và có chữ ký của thành phần tham dự hội nghị.

b) Sau khi hội nghị hiệp thương kết thúc, trong thời gian 05 ngày làm việc, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố hoàn chỉnh hồ sơ (hồ sơ gồm: Văn bản của Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị UBND cấp xã xem xét, quyết định cử Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố lâm thời; Sơ yếu lý lịch của người được giới thiệu giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời; Biên bản hội nghị hiệp thương), báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

c) Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, nếu đảm bảo đúng, đủ hồ sơ và người được đề nghị vào chức danh Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; thông báo cho thôn, tổ dân phố biết; giao nhiệm vụ cho người được cử giữ chức Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời quản lý, điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời trong trường hợp bầu cử lại không đạt kết quả.

a) Người được cử làm Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời phải trong số những người đã ứng cử chính thức để bầu cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố, nhưng bầu cử chưa đạt kết quả, trừ trường hợp quy định tại Điểm c này.

b) Căn cứ vào danh sách những người đã ứng cử chính thức để bầu cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử người giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời (người có tỷ lệ bầu cao nhất) trong thời hạn chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày bầu cử lại Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố chưa đạt kết quả; thông báo cho thôn, tổ dân phố biết; giao nhiệm vụ cho người được giữ chức Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời quản lý, điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp bầu lại không đạt kết quả và những người ứng cử chính thức trong cuộc bầu cử lại có đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, thì các cơ quan, tổ chức có liên quan phải xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu tất cả những người ứng cử chính thức trong cuộc bầu cử lại không đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thì phải tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự theo quy định tại khoản 2 Điều này để quyết định cử người giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố không được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã và cấp ủy đảng, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đề nghị thôn, tổ dân phố bãi nhiệm đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc xem xét quyết định cho thôi giữ chức danh đối với Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng thống nhất ở các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện.

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi được UBND cấp huyện thông qua.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy chế này trên địa bàn huyện.

3. Chủ tịch UBND cấp xã.

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cấp xã bảo đảm đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày

03/12/2018 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

4. Sở Nội vụ.

a) Thẩm định hồ sơ thành lập, giải thể, sáp nhập, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố để tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

c) Định kỳ hàng năm báo cáo việc thực hiện Quy chế cho UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 21. Giải quyết tồn tại

Đối với thôn, tổ dân phố đã bố trí Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy mô số hộ gia đình quy định tại Điều 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ, sau đó thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. Trường hợp các văn bản viện dẫn được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định mới; trường hợp quy định tại Quy chế này không còn phù hợp văn bản pháp luật mới của cấp trên nhưng chưa kịp sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật mới./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị